

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

Số: **20** /2020/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Yên Bái, ngày **08** tháng 12 năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính,  
đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất;  
xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại tỉnh Yên Bái**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của  
Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng  
vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính  
phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính  
phủ quy định về mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng  
vũ trang;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND  
ngày 05 tháng 11 năm 2005 của Bộ Nội Vụ - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội  
- Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP  
ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành  
một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BTNMT ngày 25 tháng 4 năm 2017 Bộ  
trưởng của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quy trình xây dựng cơ sở  
dữ liệu đất đai;*



Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BTNMT ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 869/TTr-STNMT ngày 29 tháng 11 năm 2020.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại tỉnh Yên Bái, bao gồm:

1. Đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, quy định tại Phụ lục số 01;
2. Đơn giá đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, quy định tại Phụ lục số 02;
3. Đơn giá xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, quy định tại Phụ lục số 03.

(Có các Phụ lục chi tiết kèm theo)

4. Bộ đơn giá ban hành kèm theo Quyết định này là căn cứ để lập dự toán, thẩm định và thanh quyết toán giá trị sản phẩm hoàn thành trong công tác đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại tỉnh Yên Bái.

## **Điều 2.** Điều khoản chuyển tiếp

1. Các nhiệm vụ, công trình, dự án đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại tỉnh Yên Bái đã hoàn thành và nghiệm thu trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành mà vẫn chưa được thanh toán thì thực hiện thanh toán, quyết toán sản phẩm theo Bộ đơn giá quy định tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc Ban hành Bộ đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Yên Bái và các quyết định về đơn giá có liên quan.

2. Các nhiệm vụ, công trình, dự án đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại tỉnh Yên Bái đã triển khai thực hiện mà đến ngày quyết định này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành thì thực hiện theo đơn giá tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc Ban hành Bộ đơn giá đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất; xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *ra h*

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT. Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, TC. *vt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*ra h*  
Trần Huy Tuấn